

Số: 272/2021/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 17 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Võ Văn N**, sinh năm: 1971.

Nơi cư trú: B7/3 Khu phố K, thị trấn T, huyện B, Thành phố H.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Ánh T**, sinh năm: 1971.

Nơi cư trú: B7/3 Khu phố K, thị trấn T, huyện B, Thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn N và bà Lê Thị Ánh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Ông Võ Văn N và bà Lê Thị Ánh T thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, Thành phố H cấp ngày 07/12/1991 không còn giá trị về mặt pháp lý.

2.2 Về con chung: Ông Võ Văn N và bà Lê Thị Ánh T có với nhau 02 con chung tên là Võ Hoàng Anh T (nam), sinh ngày: 20/12/1991 và Võ Thành L (nam), sinh ngày 25/5/1994, các con chung đã trưởng thành.

2.3 Về tài sản chung: Ông Võ Văn N và bà Lê Thị Ánh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Ông Võ Văn N và bà Lê Thị Ánh T đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.5 Về án phí: Ông Võ Văn N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080995 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố H. Ông Võ Văn N được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi cục THSDS H. B (1);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Sơn